

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 – 2024

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chuông, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 466/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lê Như N. Sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Văn X. Sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường C, khóm 7, phường R, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Như N trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị với anh Đặng Văn X kết hôn vào ngày 04/01/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Hiện vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2023 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể chung sống được nữa với anh X nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn X.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Đặng Như Bình, sinh ngày 09/12/2007 (giới tính: nữ) và Đặng Quốc An, sinh ngày 20/10/2012 (giới tính: nam) hiện hai con đang sống cùng anh X, khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục giao hai con cho

anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 28/8/2024, bị đơn là anh Đặng Văn X trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không có nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Đặng Như Bình, sinh ngày 09/12/2007 (giới tính: nữ) và Đặng Quốc An, sinh ngày 20/10/2012 (giới tính: nam) hiện hai con đang sống cùng anh X, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Đặng Văn X có ý kiến yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh X theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh X tự nguyện kết hôn vào ngày 04/01/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2007) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị N: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N yêu cầu ly hôn với anh X vì cho rằng giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại chị và anh X không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng cũng đã ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Đối với anh X, anh xác định giữa vợ chồng không có nhiều mâu thuẫn nhưng đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm từ cả hai phía. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng tuy nhiên chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân của anh, chị có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh X.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Đặng Như Bình, sinh ngày 09/12/2007 (giới tính: nữ) và Đặng Quốc An, sinh ngày 20/10/2012 (giới tính: nam), hiện hai con đang sống cùng anh X. Khi ly hôn, anh X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị N đồng ý tiếp tục giao hai con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thống nhất thỏa thuận này của anh, chị phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện hai cháu đang sống cùng anh X, để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của hai cháu nên thống nhất giao hai con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh X không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị N. Đối với chị N xác định chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/hai con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ người không trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa, chị N trình bày anh X không yêu cầu cấp dưỡng nhưng chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đồng/hai con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện này là phù hợp với quy định pháp luật và cũng để đảm bảo cuộc sống của các cháu được tốt hơn, đồng thời cũng thể hiện phần nào trách nhiệm của người mẹ đối với các con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đồng/hai con đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị N, anh X xác định không có.

[6] Về nợ chung: Chị N, anh X đều xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí về hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Như N ly hôn với anh Đặng Văn X.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Đặng Như Bình, sinh ngày 09/12/2007 và Đặng Quốc An, sinh ngày 20/10/2012 cho anh Đặng Văn X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Như N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đồng/hai con. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đồng, chị N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai số 0009173 vào ngày 05/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách Nhà nước toàn bộ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Như N phải chịu 300.000đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- **UBND phường 8, Tp. Cà Mau.**
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu